

Lào Cai, ngày 10 tháng 04 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2);
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) ngày 10/4/2015.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 họp ngày 10/4/2015 đã tiến hành thảo luận và đi đến thống nhất thông qua các quyết định sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015 của Công ty. Cụ thể như sau:

A. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

I. Công tác đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phat

1. Công tác hiện trường:

- Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình xây dựng đưa vào sử dụng;
- Đã hoàn thành việc lắp đặt và hòa lưới điện quốc gia cả 03 tổ máy. Bắt đầu phát điện thương mại từ tháng 01/2015.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2014:

2.1. Kết quả đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phat năm 2014.

a) Giá trị đầu tư:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỉ lệ % TH/KH	Lũy kế hết năm 2014
	Sản lượng đầu tư	452,76	497,01	110%	2.062,80
1	Xây dựng	244,92	243,77	100%	1.041,84
2	Thiết bị	37,01	51,45	139%	404,55
3	Chi phí khác	58,09	58,09	100%	165,01
4	Dự phòng phí	33,19	29,6	89%	29,6
5	Lãi vay trong TGXD	79,55	114,1	143%	421,8

b) Vốn giải ngân cho dự án:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Nguồn vốn	Cơ cấu nguồn vốn	Lũy kế hết năm 2014
I	Vốn vay tín dụng, thương mại	1.566,75	1.429,18

1	Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam	1.129,00	1.066,69
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	437,75	362,49
II	Vốn tự có	415,29	396,87
	Cộng (I+II)	1.982,04	1.826,05

B. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

Sản lượng điện sản xuất thử năm 2014:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch sản xuất thử	Kết quả sản xuất thử	Tỷ lệ%
1	Tháng 9	kWh	16.733.111	16.667.500	99,61%
2	Tháng 10	kWh	18.397.397	24.080.400	130,89%
3	Tháng 11	kWh	23.481.216	31.024.300	132,12%
4	Tháng 12	kWh	15.813.201	18.731.300	118,45%
	Cộng	kWh	74.424.926	90.503.500	121,60%

Doanh thu sản xuất thử của nhà máy năm 2014 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	Doanh thu sản xuất thử
1	Doanh thu	đồng	81.964.494.775
	Slg điện thương phẩm	kWh	90.503.500
	Giá bán điện (trước VAT)	đồng	905,65

Kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất thử nhà máy sẽ được quyết toán chi phí đầu tư xây dựng công trình dự án thủy điện Ngòi Phát.

C. Kế hoạch đầu tư dự án và sản xuất kinh doanh 2015

I. Quyết toán công trình nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

Bắt đầu từ tháng 2/2015, Công ty sẽ tập trung nhân lực để thực hiện công tác quyết toán công trình thủy điện Ngòi Phát theo kế hoạch thực hiện trong từng giai đoạn dự kiến như sau:

Giai đoạn 1: Quyết toán chi phí đầu tư xây dựng công trình và báo cáo tổng hợp quyết toán (từ tháng 2/2015 đến tháng 12/2015);

Giai đoạn 2: Mời đơn vị kiểm toán độc vào thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán (từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2016 (được thực hiện xen kẽ, song song trong quá trình Chủ đầu tư quyết toán theo giai đoạn);

Giai đoạn 3: Thẩm tra và phê duyệt quyết toán: từ tháng 3/2016 đến tháng 6/2016.

II. Kế hoạch đầu tư Dự án:

Theo định hướng trong chiến lược phát triển của Công ty, trong năm 2015, trọng tâm trong công tác đầu tư của Công ty sẽ tiếp tục các công tác chuẩn bị đầu tư dự án, tập trung phát triển vào các dự án sau:

1. Chuẩn bị đầu tư Dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng (CSLM dự kiến: 10 MW - 12 MW)

Bao gồm các nhiệm vụ cụ thể:

- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư: Lập, thẩm tra, phê duyệt Báo cáo đầu tư và Dự án đầu tư xây dựng công trình (F/S);

- Hoàn thành việc thu xếp vốn, thực hiện các bước thiết kế chi tiết, tạo tiền để chuẩn bị khởi công công trình trong năm 2016.
- 2. Tìm kiếm cơ hội đầu tư (thông qua hợp tác đầu tư, góp vốn cổ phần/hoặc chuyển nhượng dự án) để tham gia đầu tư 01 dự án thủy điện có quy mô nhỏ từ 15 đến dưới 30 MW) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.**
- 3. Dự án khu Đô thị thương mại Thủy Hoa - TP Lào Cai**
- Trình UBND tỉnh và các Sở, Ban, Ngành chức năng phương án quy hoạch điều chỉnh Tổng mặt bằng Dự án, báo cáo bảo vệ phương án và hoàn thành thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch kiến trúc;
 - Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình phù hợp với quy hoạch được duyệt, hoàn tất các thủ tục pháp lý đầu tư dự án: Xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép xây dựng,...
 - Hoàn thành phương thức đầu tư và phân kỳ đầu tư, thu xếp vốn cho dự án; thiết kế chi tiết và thực hiện đầu tư giai đoạn 1 của dự án: Xây dựng HTKT; xây dựng Khu nhà liền kề kết hợp thương mại dịch vụ và khu nhà thấp tầng văn phòng Công ty và dịch vụ thương mại.
 - Tiến độ thực hiện đầu tư giai đoạn 1: 21 tháng.
 - + Hoàn tất thủ tục đầu tư: Duyệt quy hoạch đầu chỉnh, lập dự án đầu tư, Thiết kế chi tiết giai đoạn 1 và hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng (từ tháng 2- tháng 7/2015).
 - + Thực hiện đầu tư giai đoạn 1: Xây dựng HTKT; xây dựng Khu nhà liền kề kết hợp thương mại dịch vụ và khu nhà thấp tầng văn phòng Công ty, dịch vụ và thương mại: (từ tháng 8/2015- tháng 10/2016)
- 4. Giá trị đầu tư năm 2015.**

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Tên Dự án	Giá trị đầu tư	Nguồn vốn
1	Dự án Thủy điện Ngòi Phát mở rộng	2,85	Vốn tự có
	Công tác chuẩn bị đầu tư	2,85	
2	Dự án khu ĐT - Thương mại Thủy Hoa	14,16	Vốn tự có
	Công tác chuẩn bị đầu tư	3,64	
	Chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật	10,52	
3	Cộng (1-2)	17,01	

Chi phí đầu tư năm 2015 được tính trên cơ sở hồ sơ thiết kế sơ bộ và khái toán đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng và dự án khu Đô thị - Thương mại Thủy Hoa.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhà máy năm 2015:

1.) Doanh thu sản xuất điện

Kế hoạch sản xuất điện được tính trên cơ sở dự kiến thủy văn và công suất phát điện thực tế của các tổ máy. Việc sửa chữa bảo dưỡng thiết bị được thực hiện vào các tháng mùa khô để đảm bảo huy động tối đa công suất của các tổ máy đặc biệt trong mùa mưa.

TT	Nội dung	Tháng sản xuất											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổ máy H1	5,44	3,78	3,48	4,75	10,58	14,37	15,16	15,58	15,25	8,28	7,73	4,90

TT	Nội dung	Tháng sản xuất											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Tổ máy H2	5,44	3,78	3,48	4,75	10,58	14,37	15,16	15,58	15,25	8,28	7,73	4,90
3	Tổ máy H3	5,44	3,78	3,48	4,75	10,58	14,37	15,16	15,58	15,25	8,28	7,73	4,90
	ΣAΣH	16,31	11,33	10,45	14,25	31,74	43,12	45,49	46,74	45,76	24,83	23,18	14,70
	Σ giao	15,76	10,95	10,10	13,78	30,67	41,67	43,97	45,17	44,22	24,00	22,40	14,20

Tổng sản lượng điện thương phẩm cả năm: 316,89 triệu kWh

2.) Kết quả sản xuất kinh doanh.

Stt	Nội dung	Chi tiết	Đơn vị tính	Năm 2015
I	Doanh thu bao gồm thuế, phí		triệu đồng	312.440,31
	SL điện thương phẩm	Bảng số 2	kWh	316,89
	Giá bán điện (trước VAT)	Theo HĐ	đồng	905,65
1	Doanh thu trước thuế, phí	Bảng số 3		286.988,01
2	Thuế tài nguyên	Theo văn bản hướng dẫn	4% x 1.508 x SLĐTP	19.114,58
3	Phí môi trường rừng	Theo văn bản hướng dẫn	20 đồng x SLĐTP	6.337,72
II	Chi phí		Triệu đồng	312.948,21
2.1	Khấu hao	Bảng số 4	Triệu đồng	68.367,12
2.2	Chi phí lãi vay	Bảng số 5	Triệu đồng	154.326,19
2.3	Chi phí hoạt động		Triệu đồng	38.494,68
-	Chi phí tiền lương	Bảng số 6	Triệu đồng	16.397,67
-	Các khoản chi phí khác trích theo lương (BHXH, điện thoại, ăn ca,...)	Bảng số 6	Triệu đồng	2.412,98
-	Chi phí thường xuyên	Bảng số 7	Triệu đồng	2.762,50
-	Chi phí phục vụ sản xuất của Nhà máy	Bảng số 8	Triệu đồng	6.779,75
-	Bảo hiểm tài sản	Theo Hợp đồng	Triệu đồng	3.000,00
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên	Bảng số 9	Triệu đồng	3.141,78
-	Chi phí mua sắm vật tư hàng năm phục vụ sản xuất		Triệu đồng	4.000,00
2.4	Phí bảo lãnh vốn vay BIDV	Bảng số 5	Triệu đồng	22.107,91
2.5	Phí bảo lãnh phát hành tăng vốn (mua lại cổ phần của Techcombank)		Triệu đồng	4.200,00
2.6	Các loại thuế và phí	Theo văn bản hướng dẫn	Triệu đồng	25.452,30
III	Lợi nhuận trước thuế		Triệu đồng	(507,90)
IV	Lợi nhuận sau thuế		Triệu đồng	(507,90)
V	Cổ tức		Triệu đồng	0

3.) Cân đối dòng tiền.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đạt: 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức Công ty năm 2014.

Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013 là:	1.589.839.269 đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2014	: 190.449.772 đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	: 41.898.949 đồng
Lợi nhuận sau thuế	: 148.550.823 đồng
Lãi cơ bản cổ phiếu năm 2014	: 4,0 đồng
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	: 1.738.390.092 đồng
+ Chia cổ tức năm 2014	: 0 đồng
+ Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang 2015 là:	1.738.390.092 đồng.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ cổ phần biểu quyết đạt: 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Điều 8. Chấp thuận Miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và thông qua kết quả bầu cử bổ sung 01 thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2014 - 2019, cụ thể như sau:

- + Miễn nhiệm ông **Nguyễn Phúc Hương**, thành viên HĐQT Công ty do yêu cầu công tác với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- + Thông qua kết quả bầu cử bổ sung 01 thành viên HĐQT Công ty (nhiệm kỳ 2014 - 2019): Ông **Nguyễn Hữu Ngọc** trúng cử thành viên HĐQT với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực từ ngày 10/4/2015.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- UBCK Nhà nước (CBTT);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (CBTT);
- Website công ty (đăng tin)
- Thư ký công ty
- TCHC.



Nguyễn Ngọc Diệp